

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định trình tự, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp Thành phố Hà Nội**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;*

*Căn cứ các Luật: Thủy sản số 18/2017/QH14; Trồng trọt số 31/2018/QH14; Chăn nuôi số 32/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số: 146/2025/QH15*

*Căn cứ Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp Thành phố Hà Nội (Thực hiện khoản 2 Điều 32 Luật Thủ đô);*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 194/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 3 năm 2026 về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định trình tự, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp Thành phố Hà Nội;*

*Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp Thành phố Hà Nội.*

### **CHƯƠNG I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định trình tự, thủ tục thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND).

2. Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 53/2025/NQHĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

## **Điều 2. Phân công chủ trì thực hiện chính sách**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 4 (thực hiện theo các chương trình, kế hoạch hàng năm và kế hoạch giai đoạn của ngành); Điều 5; Điều 6 (đối với tổ chức là doanh nghiệp và thực hiện theo các chương trình, kế hoạch hàng năm và kế hoạch giai đoạn của ngành); khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 13; Điều 16; Điều 18 và Điều 21 (theo phân cấp quy định tại Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 4 (thực hiện theo các chương trình, kế hoạch hàng năm và kế hoạch giai đoạn của cấp xã); Điều 6 (đối với cá nhân, tổ chức là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và thực hiện theo các chương trình, kế hoạch hàng năm và kế hoạch giai đoạn của địa phương); Điều 7; khoản 2 và khoản 3 Điều 8; Điều 9; Điều 12; Điều 14; Điều 15; Điều 17; Điều 19; Điều 20; Điều 21 (theo phân cấp quy định tại Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố) và Điều 22 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Lập kế hoạch, giao dự toán, quản lý, sử dụng nguồn vốn, thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công, hướng dẫn của Trung ương, Thành phố và các quy định hiện hành của pháp luật, đảm bảo khả năng cân đối ngân sách.

## **CHƯƠNG II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ THỰC HIỆN HỖ TRỢ**

**Điều 3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ các chính sách quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 9, điểm b khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 13, Điều 17 và Điều 20 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố**

1. Nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 1 Quy định này lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội; gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao y theo đúng quy định. Trường hợp các giấy tờ theo quy định của pháp luật được cấp dưới dạng bản điện tử thì nộp bản điện tử.

b) Trường hợp nộp hồ sơ tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, các thành phần hồ sơ phải được scan hoặc chụp từ bản chính, bảo đảm rõ ràng, đầy đủ và hợp lệ.

### 1. Thành phần Hồ sơ

a) Hỗ trợ mua máy cày, hệ thống thiết bị gieo mạ phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa (khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND); Hỗ trợ thiết bị, máy móc cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản (khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND); Hỗ trợ trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi (Điều 20 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02A của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Bản chính hoặc bản chứng thực Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua máy móc, thiết bị; bản gốc hoặc bản chứng thực, hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật; chứng thư thẩm định giá của cơ quan thẩm định giá hoặc báo giá/thông báo giá của đơn vị sản xuất, phân phối độc quyền. Tại hợp đồng mua máy móc, thiết bị hoặc hóa đơn phải ghi rõ: máy móc, thiết bị là mới, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở đã công bố hoặc tiêu chuẩn Việt Nam (nếu có);

Phương án sản xuất kinh doanh của tổ chức/cá nhân đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 03 của Phụ lục kèm theo Quyết định này đối với trường hợp hỗ trợ mua máy cày, hệ thống thiết bị gieo mạ phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa;

Các tài liệu minh chứng đáp ứng các quy định điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND (đối với trường hợp hỗ trợ thiết bị, máy móc cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản): Bản chính hoặc bản chứng thực giấy phép xây dựng nếu có công trình xây dựng phục vụ sơ chế, bảo quản sản phẩm cây trồng tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; Văn bản chứng minh công suất thiết kế đạt tối thiểu 20 tấn/tháng/cơ sở;

Các tài liệu minh chứng đáp ứng các quy định khoản 2 Điều 20 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND (đối với trường hợp hỗ trợ trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi): Các tài liệu minh chứng đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Chăn nuôi; Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới để sản xuất một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao (Điều 9 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02A của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật về xây dựng (lắp đặt) mới nhà màng, nhà lưới; chứng thư thẩm định giá của cơ quan thẩm định giá hoặc báo giá/thông báo giá của đơn vị sản xuất, phân phối độc quyền;

Bản chính hoặc bản chứng thực tài liệu minh chứng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia hiện hành về nhà màng, nhà lưới (nhà uơm, trồng cây nông nghiệp).

c) Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản (điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02A của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và quyết định phê duyệt dự án của chủ đầu tư và đối với các trường hợp được quy định tại Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án của chủ đầu tư với các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư;

Bản sao có chứng thực hồ sơ nhập khẩu giống kèm theo bản dịch Tiếng Việt có xác nhận đơn vị dịch thuật công chứng theo quy định; Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật; biên bản giao nhận con giống;

Bản sao có chứng thực các văn bản minh chứng việc đáp ứng các quy định về điều kiện sản xuất giống, nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản tại Điều 20 và khoản 2 Điều 22 Luật Chăn nuôi hoặc khoản 1 Điều 24 và Điều 27 Luật Thủy sản.

d) Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt hữu cơ (Điều 17 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02A của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ do các tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp;

3. Trình tự giải quyết thủ tục hành chính đối với các nội dung hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (khoản 2 Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 20 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

a) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường xem xét tính hợp lệ của hồ sơ của các tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để trả lời tổ chức, cá nhân.

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ và thực địa, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ.

4. Trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính đối với các nội dung hỗ trợ do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện (điểm b khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

a) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được giao thực hiện chính sách thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét tính hợp lệ của hồ sơ của các tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để trả lời tổ chức, cá nhân.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được giao thực hiện chính sách thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hồ sơ và thực địa (nếu cần) và báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ, thực địa.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ, thực địa cơ quan được giao thực hiện chính sách thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ.

#### 5. Cách thức trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội; gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

6. Tổ chức chi trả hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 3 Quyết định này:

Sau khi có quyết định hỗ trợ, cơ quan thực hiện chính sách thực hiện giải ngân kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác theo quy định. Trường hợp trong năm ngân sách phát sinh số lượng hồ sơ đủ điều kiện được hỗ trợ vượt quá dự toán kinh phí đã được giao, cơ quan thực hiện chính sách vẫn thực hiện việc kiểm tra, lập báo cáo và ban hành Quyết định hỗ trợ theo quy định. Việc chi trả kinh phí được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Ưu tiên chi trả đối với các trường hợp đối tượng thụ hưởng chính sách đã đăng ký nhu cầu hỗ trợ với cơ quan thực hiện chính sách để làm cơ sở xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện chính sách và giao dự toán ngân sách cho cơ quan được giao thực hiện chính sách.

b) Đối với các trường hợp vượt dự toán, cơ quan thực hiện chính sách có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét bổ sung kinh phí hoặc bố trí chi trả trong kỳ ngân sách tiếp theo nhằm bảo đảm quyền được hưởng chính sách hỗ trợ của tổ chức, cá nhân; đồng thời có thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân biết.

**Điều 4. Quy định về trình tự, hồ sơ thực hiện hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ lãi suất tín dụng (thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 13, điểm a và b khoản 3 Điều 14, điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND)**

1. Hỗ trợ tín dụng đối với vay vốn quỹ khuyến nông: Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện theo quy chế quản lý Quỹ khuyến nông thành phố Hà Nội.

2. Hỗ trợ lãi suất tín dụng đối với các trường hợp vay vốn ngân hàng thương mại (trường hợp hỗ trợ lãi suất mua ô tô thực hiện theo khoản 3 Điều này).

a) Trình tự thực hiện:

Cơ quan được giao thực hiện chính sách tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức thực hiện hỗ trợ theo kế hoạch. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Thành phần hồ sơ

Văn bản đăng ký hỗ trợ Mẫu số 02B của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và quyết định phê duyệt dự án của chủ đầu tư và đối với các trường hợp được quy định tại Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án của chủ đầu tư với các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư;

Bản sao có chứng thực các văn bản: Hợp đồng tín dụng/thỏa thuận cho vay; chứng từ nhận nợ hoặc các giấy tờ tương đương;

Các tài liệu khác có liên quan đến việc thanh, quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công, hướng dẫn của Trung ương, Thành phố và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Hỗ trợ lãi suất mua ô tô

a) Trình tự thực hiện

Cơ quan được giao thực hiện chính sách tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức thực hiện hỗ trợ theo kế hoạch. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Thành phần hồ sơ

Văn bản đề nghị hỗ trợ Mẫu số 02B của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Văn bản, hồ sơ minh chứng đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND;

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực các văn bản: Hợp đồng tín dụng/thỏa thuận cho vay; chứng từ nhận nợ hoặc các giấy tờ tương đương; Hợp đồng mua ô tô; hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật; chứng thư thẩm định giá của cơ quan thẩm định giá hoặc báo giá/thông báo giá của đơn vị sản xuất, phân phối độc quyền. Tại hợp đồng mua ô tô hoặc hóa đơn mua ô tô phải ghi rõ: ô tô là mới, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở đã công bố hoặc tiêu chuẩn Việt Nam (nếu có).

**Điều 5. Trình tự, hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 8, Điều 12, Điều 14, Điều 16, Điều 18 và Điều 19 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND**

1. Trình tự thực hiện

Cơ quan được giao thực hiện chính sách tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức thực hiện hỗ trợ theo kế hoạch. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thành phần hồ sơ

a) Hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường (Điều 4 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Văn bản kèm danh sách đăng ký tập huấn của đơn vị có nhu cầu tập huấn;

Giấy mời tham dự tập huấn của các đơn vị được giao tổ chức thực hiện;

Danh sách có ký nhận của người tham dự tập huấn, có xác nhận của nơi tổ chức tập huấn;

Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thuê giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật;

Chúng từ chi và định mức chi theo chế độ tài chính quy định.

b) Hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ cấp mã số vùng trồng (Điều 5 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Văn bản đăng ký hỗ trợ Mẫu số 02B của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Bản sao văn bản cấp mã số vùng trồng lần đầu;

Bản chính hoặc bản chứng thực các văn bản: Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, bản sao có chứng thực giấy tờ pháp lý liên quan đến điều kiện hoạt động của đơn vị phân tích; hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật và kết quả phân tích điều kiện sản xuất;

Bản chính hoặc bản chứng thực các văn bản: Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, bản sao có chứng thực giấy tờ pháp lý liên quan đến điều kiện hoạt động của đơn vị tư vấn, hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật và sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

c) Hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp (Điều 6 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Văn bản đăng ký hỗ trợ Mẫu số 02B của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận tương đương hoặc Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn còn hiệu lực; hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, minh bạch thông tin từ công đoạn sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) đến giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm để đảm bảo đủ điều kiện được thụ hưởng chính sách hỗ trợ thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc, bao bì, tem nhãn điện tử chứa thông tin truy xuất nguồn gốc (điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND);

Bản chính hoặc bản chứng thực văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về địa điểm sản xuất thuộc các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn Thành phố để đảm bảo đủ điều kiện được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tư vấn, đánh giá, chứng nhận thực hành tốt, hữu cơ (điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND);

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn còn hiệu lực để đảm bảo đủ điều kiện được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tư vấn, đánh giá, chứng nhận HACCP, ISO 22000 (điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND);

Bản chính hoặc bản chứng thực: Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ;

Bản sao có chứng thực Quyết định cấp giấy chứng nhận và giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, GACP - WHO, hữu cơ; hệ thống kiểm soát môi nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm - ISO 22000;

Chứng từ chi, định mức chi theo chế độ tài chính theo quy định.

d) Hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái (khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Bảng kê danh sách đăng ký diện tích cấy máy và phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái theo Mẫu số 04A của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Bản chính hoặc bản chứng thực các văn bản: Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa đơn vị cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân hoặc đại diện nhóm hộ; hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật;

Biên bản nghiệm thu diện tích cấy máy và phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái;

Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã;

Danh sách nhận hỗ trợ kinh phí cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái.

đ) Hồ sơ thực hiện hỗ trợ giống để sản xuất lúa tại các vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao; vùng sản xuất lúa tập trung (Điều 12 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Bảng đăng ký nhu cầu mua giống lúa năng suất, chất lượng cao theo Mẫu số 04B của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Danh sách nộp kinh phí đối ứng theo Mẫu số 05 của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Danh sách nhận hỗ trợ, đối ứng giống lúa năng suất, chất lượng cao do hợp tác xã, tổ hợp tác, thôn/khu phố lập theo Mẫu số 06 của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Biên bản bàn giao giống giữa cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ thuộc cấp xã và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, thôn/tổ dân phố;

Hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống để minh chứng đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND: giống lúa hợp pháp có năng suất, chất lượng cao được sản xuất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Bản chính hoặc bản chứng thực các văn bản: Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua giống, hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật và các chứng từ khác liên quan theo quy định.

e) Hồ sơ thực hiện hỗ trợ chi phí giết mổ, chi phí xử lý nước thải đối với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung (điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Văn bản đăng ký hỗ trợ Mẫu số 02B của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Văn bản, hồ sơ minh chứng đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND;

Bảng kê số lượng gia súc, gia cầm được giết mổ hàng tháng có xác nhận của cơ quan thú y trực tiếp quản lý;

Các giấy tờ chứng minh nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường theo quy định.

f) Hồ sơ thực hiện hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh (Điều 16 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND); hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch (Điều 18 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Văn bản đề nghị hỗ trợ Mẫu số 02B của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Các văn bản, tài liệu minh chứng đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND;

Các giấy tờ, hồ sơ chứng minh việc đầu tư của tổ chức/cá nhân: Bản chính hoặc bản chứng thực Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua máy móc, thiết bị, phần mềm, dịch vụ; bản chứng thực, hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật; chứng thư thẩm định giá của cơ quan thẩm định giá hoặc báo giá/thông báo giá của đơn vị sản xuất, phân phối độc quyền; Đối với mua máy móc, thiết bị hỗ trợ, tại hợp đồng mua máy móc, thiết bị hoặc hóa đơn phải ghi rõ: máy móc, thiết bị là mới, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở đã công bố hoặc tiêu chuẩn Việt Nam (nếu có).

g) Hồ sơ thực hiện hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp (thực hiện Điều 19 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND):

Bảng đăng ký nhu cầu hỗ trợ theo mẫu số 08 của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Danh sách nộp kinh phí đối ứng theo Mẫu số 05 của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Danh sách nhận hỗ trợ theo Mẫu số 09 của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Biên bản bàn giao giữa cơ quan chuyên môn được giao thực hiện chính sách thuộc cấp xã và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, thôn/tổ dân phố;

Bản chính hoặc bản chứng thực các văn bản: Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý môi trường, thùng chứa (bể chứa) lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị làm giàu oxy; hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật; chứng thư thẩm định giá của cơ quan thẩm định giá hoặc báo giá/thông báo giá của đơn vị sản xuất, phân phối độc quyền, quyết định trúng thầu và các chứng từ khác liên quan theo quy định.

Tài liệu văn bản minh chứng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND.

**Điều 6. Trình tự, hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất của thôn, tổ dân phố** (thực hiện Điều 7 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND).

#### 1. Trình tự thực hiện

a) Cơ quan được giao thực hiện chính sách khi xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện các chính sách quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 19, Điều 22 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND đồng thời xây dựng dự toán kinh phí để hỗ trợ công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất của thôn, tổ dân phố.

b) Cơ quan được giao thực hiện chính sách lập Biên bản phối hợp với thôn/tổ dân phố về các nội dung công việc cần triển khai để thực hiện chính sách hỗ trợ.

c) Sau khi hoàn thành việc thực hiện chính sách, thôn/tổ dân phố làm giấy đề nghị thanh toán kèm theo Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất.

#### 2. Thành phần Hồ sơ

a) Biên bản phối hợp giữa cơ quan được giao thực hiện chính sách hỗ trợ với thôn/tổ dân phố trong đó nêu rõ các nội dung công việc cần thực hiện của thôn/tổ dân phố;

b) Giấy đề nghị thanh toán của thôn/tổ dân phố kèm theo Bảng tổng hợp công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất theo Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Chứng từ thực hiện chi trả hỗ trợ và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

**Điều 7. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp** (thực hiện Điều 11 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND).

Thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2030; Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 8. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp** (thực hiện Điều 21 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND)

Thực hiện hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

**Điều 9. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ Đông trên đất trồng lúa** (thực hiện Điều 22 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND)

1. Trình tự thực hiện

a) Sau khi kết thúc gieo trồng cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô 20 ngày (theo kế hoạch sản xuất cây vụ Đông tại địa phương), cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt đảm bảo mật độ theo quy trình sản xuất được công bố, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố lập: Bảng kê danh sách, diện tích gieo trồng cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô; biên bản họp thôn/tổ dân phố thông qua danh sách, diện tích gieo trồng cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Sau khi nhận được Bảng kê danh sách, diện tích gieo trồng cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô do Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố lập; Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan được giao thực hiện chính sách thành lập Đoàn kiểm tra, xác minh, nghiệm thu, gồm: Đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn được giao thực hiện hỗ trợ làm Trưởng đoàn, đại diện các phòng, đơn vị cấp xã (có liên quan), Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, đại diện hộ sản xuất và thành phần khác (nếu có) để kiểm tra, xác minh diện tích gieo trồng cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô đề nghị hỗ trợ;

c) Sau khi đi kiểm tra, xác minh, nghiệm thu, cơ quan được giao thực hiện chính sách thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ kinh phí theo quy định. Hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

## 2. Thành phần Hồ sơ

a) Bảng kê danh sách, diện tích gieo trồng cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô theo Mẫu số 10 của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

b) Hồ sơ minh chứng nguồn gốc đất: Trích lục vị trí sản xuất hoặc hợp đồng thuê đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất khác còn hiệu lực;

c) Biên bản nghiệm thu của cơ quan được giao thực hiện chính sách thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Danh sách nhận hỗ trợ sản xuất cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô theo Mẫu số 11 của Phụ lục kèm theo Quyết định này;

e) Kế hoạch sản xuất cây vụ Đông tại địa phương.

## CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã**

#### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Phân công, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn: triển khai thực hiện các chính sách, nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND thuộc phạm vi được giao thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực, đúng quy định; Phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công thực hiện công bố thủ tục hành chính theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Chủ trì tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hằng năm (tháng 12) báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của đơn vị, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Trung tâm Phục vụ Hành chính công: Thực hiện công bố thủ tục hành chính; Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo quy định.

4. Các sở, ngành liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai, thực hiện tốt Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn: triển khai thực hiện các chính sách, nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND thuộc phạm vi được giao thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực, đúng quy định.

b) Chủ động bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQHĐND theo phân cấp; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Hằng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND trên địa bàn quản lý.

d) Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

### **Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách**

1. Quản lý, sử dụng các khoản vốn, kinh phí, máy móc, thiết bị được hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, có hiệu quả.

2. Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Quy định này và các văn bản liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đúng sự thật về các thông tin, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp để được thụ hưởng chính sách.

### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng 09 tháng 4 năm 2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Lưu**

**Phụ lục****CÁC BIỂU MẪU THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

(Kèm theo Quyết định số 35/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Mẫu số 01	Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất
Mẫu số 02A	Đơn đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 02B	Văn bản đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 04A	Bảng kê danh sách đăng ký diện tích cây máy và phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái
Mẫu số 04B	Bảng đăng ký nhu cầu mua giống lúa năng suất, chất lượng cao
Mẫu số 05	Danh sách nộp kinh phí đối ứng
Mẫu số 06	Danh sách nhận hỗ trợ giống lúa năng suất, chất lượng cao
Mẫu số 07	Bản cam kết
Mẫu số 08	Bảng đăng ký nhu cầu hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp
Mẫu số 09	Danh sách nhận hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp
Mẫu số 11	Danh sách nhận hỗ trợ sản xuất cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô

**Mẫu số 01. Bảng tổng hợp công triển khai, chi trả hỗ trợ sản xuất****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ**  
**HỖ TRỢ CÔNG TRIỂN KHAI, CHI TRẢ HỖ TRỢ SẢN XUẤT**

- Nội dung hỗ trợ.....

- Diện tích hỗ trợ:.....

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>	<b>Ký tên</b>
1					
2					
...					
<b>Tổng cộng</b>					

....., ngày .... tháng ... năm...

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THÔN/TỔ DÂN PHỐ**

**Mẫu số 02. Đơn đề nghị hỗ trợ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**Kính gửi <sup>(1)</sup>: .....

*Căn cứ Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội.*

Căn cứ .....

1. Tổ chức/cá nhân: .....

+ Địa chỉ: .....

+ Người đại diện (đối với doanh nghiệp): ..... Chức danh: .....

+ Mã số thuế (đối với tổ chức): .....

+ Số giấy đăng ký kinh doanh/đăng ký hoạt động: .....

ngày cấp: ...../...../..... nơi cấp: .....

+ Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước: .....

ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp:.....

+ Điện thoại:.....; Fax: .....; Email:.....

2. Tình hình sản xuất kinh doanh của tổ chức/cá nhân .....

.....

3. Đề nghị hỗ trợ <sup>(2)</sup>: .....

.....

4. Lý do, nhu cầu đề nghị hỗ trợ: .....

.....

5. Số tiền đề nghị hỗ trợ: ..... (Bằng chữ:

.....)

6. Cam kết

+ Chưa nhận hỗ trợ tín dụng và thời gian sử dụng máy móc (đối với đề xuất hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 điều 8 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND): .....

.....

<sup>(1)</sup> Ghi rõ cơ quan đề nghị hỗ trợ (Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội hoặc UBND xã A)<sup>(2)</sup> Ghi rõ nội dung đề nghị hỗ trợ

+ Chưa nhận hỗ trợ tín dụng (đối với đề xuất hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 10 và khoản 2 điều 13 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND): .....

+ Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

+ Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu theo nội dung đã đăng ký được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Nội dung khác (nếu có):

6. Hồ sơ kèm theo gồm:

+ .....

+ .....

Tôi cam đoan các thông tin kê khai trên và các hồ sơ kèm theo đảm bảo đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

*(Đối với các chính sách thuộc trách nhiệm thực hiện hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

.... ngày .... tháng .... năm ....  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)*

**Mẫu số 02B. Văn bản đăng ký hỗ trợ**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

V.v: Đề nghị hỗ trợ<sup>(3)</sup> ..... ngày .... tháng .... năm ....

.....

Kính gửi <sup>(4)</sup>: .....

*Căn cứ Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội*

*Căn cứ .....*

*1. Tổ chức/ cá nhân: .....*

*+ Địa chỉ: .....*

*+ Người đại diện (đối với tổ chức): ..... Chức danh: .....*

*+ Mã số thuế (đối với tổ chức): .....*

*+ Số giấy đăng ký kinh doanh/đăng ký hoạt động: .....*

*ngày cấp ...../...../..... nơi cấp: .....*

*+ Số căn cước công dân/Căn cước (đối với cá nhân): .....*

*ngày cấp: ...../...../..... nơi cấp: .....*

*+ Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....*

*2. Tình hình sản xuất kinh doanh của tổ chức/cá nhân .....*

.....

*3. Nội dung đề nghị hỗ trợ: .....*

.....

*4. Lý do, nhu cầu đề nghị hỗ trợ: .....*

.....

*5. Số tiền đề nghị hỗ trợ: ..... (Bằng chữ: .....) )*

*6. Cam kết*

*+ Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi được hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.*

<sup>(3)</sup> Ghi rõ nội dung đề nghị hỗ trợ

<sup>(4)</sup> Ghi rõ cơ quan đề nghị hỗ trợ (Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội hoặc Ủy ban nhân dân xã A)

+ Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu theo nội dung đã đăng ký được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Nội dung khác (nếu có): .....

7. Hồ sơ kèm theo gồm:

+ .....

+ .....

Kính đề nghị<sup>5</sup> ..... xem xét, tạo điều kiện hỗ trợ./.

**XÁC NHẬN CỦA**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  
*(Đối với các chính sách thuộc trách nhiệm thực hiện hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

.... ngày .... tháng .... năm ....  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)*

<sup>5</sup> Đơn vị hỗ trợ (Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội hoặc Ủy ban nhân dân xã ....)

**Mẫu số 03. Phương án sản xuất kinh doanh của tổ chức/cá nhân****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH****I. Thông tin chung**

- + Tổ chức/ cá nhân: .....
- + Địa chỉ: .....
- + Người đại diện (đối với tổ chức): ..... Chức danh: .....
- + Mã số thuế (đối với tổ chức): .....
- + Số giấy đăng ký kinh doanh/đăng ký hoạt động: .....  
ngày cấp ...../...../..... nơi cấp:  
.....
- + Số căn cước công dân/Căn cước (đối với cá nhân): .....  
ngày cấp: ...../...../..... nơi cấp: .....
- + Điện thoại:.....; Fax: .....; Email: .....

**II. Thông tin về hiện trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm****1. Đất nông nghiệp sử dụng để sản xuất tại Phương án**

- Diện tích
- Địa điểm xứ đồng
- Nguồn gốc đất (được giao, đi thuê...)

**2. Hiện trạng sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm**

- Loại hình sản xuất:
- Sản phẩm nông nghiệp chính
- Hiện trạng về sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp
- Hiện trạng về tiêu thụ: Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, bán buôn, bán lẻ....

**II. Phương án tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (quy mô sản xuất từng loại sản phẩm; quản lý chất lượng; liên kết, tiêu thụ sản phẩm....) trong thời gian tới**

1. Diện tích (có mở rộng không?), quy mô sản xuất từng loại sản phẩm
2. Địa điểm xứ đồng

3. Loại hình sản xuất
4. Phương án về nguồn vốn, lao động phục vụ sản xuất
5. Phương án về sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
6. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường
7. Các nhiệm vụ khác (nếu có)

.... ngày .... tháng .... năm ....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

**Mẫu số 04A. Bảng kê danh sách đăng ký diện tích cây máy và phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ DANH SÁCH  
DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ CÂY MÁY VÀ PHUN THUỐC BẢO VỆ THỰC  
VẬT BẰNG THIẾT BỊ BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI**

VỤ .....NĂM.....

TT	Họ và tên cá nhân/ tổ chức	Địa chỉ	Xứ đồng, thôn	Cây máy		Phun thuốc bảo vệ thực vật	
				Diện tích đăng ký (m <sup>2</sup> )	Tên giống lúa	Diện tích đăng ký (m <sup>2</sup> )	Tên thuốc
1							
2							
3							
...							
<b>Tổng cộng</b>							

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

....., ngày ..... tháng .... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THÔN/TỔ DÂN PHỐ/HỢP TÁC XÃ/  
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ/TỔ HỢP TÁC...**

**Mẫu số 04B. Bảng đăng ký nhu cầu mua giống lúa năng suất, chất lượng cao**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG ĐĂNG KÝ NHU CẦU**  
**MUA GIỐNG LÚA NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG CAO**

VỤ .....NĂM.....

(Tên giống lúa.....)

<b>TT</b>	<b>Họ và tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Xứ đồng, thôn</b>	<b>Diện tích đăng ký (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Khối lượng thóc giống đăng ký (kg)</b>
1					
2					
3					
...					
<b>Tổng cộng</b>					

....., ngày ..... tháng .... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THÔN/TỔ DÂN PHỐ/HỢP TÁC XÃ/  
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ/TỔ HỢP TÁC...**

**Mẫu số 05. Danh sách nộp kinh phí đối ứng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NỘP KINH PHÍ ĐỐI ỨNG**

.....

TT	Họ và tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Xứ đồng, thôn	Diện tích ..... (m <sup>2</sup> )	Số tiền đối ứng (đồng)	Ký nhận
1						
2						
...						
<b>Tổng cộng</b>						

Tổng số tiền bằng chữ: .....

....., ngày .... tháng ... năm...

**NGƯỜI LẬP BIỂU**      **THÔN/TỔ DÂN PHỐ/**  
**HỢP TÁC XÃ/LIÊN**      **XÁC NHẬN CỦA**  
**HIỆP HỢP TÁC**      **ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  
**XÃ/TỔ HỢP TÁC...**      **(HOẶC PHÒNG CHUYÊN MÔN**  
**CẤP XÃ ĐƯỢC PHÂN CÔNG)**

**Mẫu số 06. Danh sách nhận hỗ trợ giống lúa năng suất, chất lượng cao****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH NHẬN HỖ TRỢ  
GIỐNG LÚA NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG CAO  
VỤ .....NĂM..... (Giống lúa.....)**

TT	Họ và tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Xứ đồng, thôn	Diện tích gieo cấy (m <sup>2</sup> )	Khối lượng thóc giống đã nhận (kg)		Đơn giá giống lúa (đồng/kg)	Số tiền hỗ trợ 50% giá giống đã nhận (đồng)	Ký nhận
					50% đối ứng	50% năng suất nông nghiệp hỗ trợ			
A	B	C	D	Đ	E		G	I= E*G*50%	
1									
2									
...									
<b>Tổng cộng</b>									

Tổng số tiền bằng chữ:

NGƯỜI LẬP BIỂU

THÔN/TỔ DÂN  
PHÓ/HỢP TÁC XÃ/LIÊN  
HIỆP HỢP TÁC XÃ/TỔ  
HỢP TÁC...

....., ngày .... tháng ... năm...

XÁC NHẬN CỦA  
ỦY BAN NHÂN DÂN  
CẤP XÃ

**Mẫu số 07. Bản cam kết**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT**

Kính gửi: .....

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Người đại diện: .....

Chức danh: .....

Ngày tháng năm sinh: ..... Giới tính:.....

Địa chỉ: .....

Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước:.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi Cấp:.....

Điện thoại liên hệ: .....

Tôi cam kết các nội dung sau đây:.....

1. ....

2.....

3.....

Nếu vi phạm những điều cam kết trên, tôi xin tự nguyện hoàn lại kinh phí được nhận hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày .... tháng .... năm ....

**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN  
DÂN CẤP XÃ (HOẶC PHÒNG  
CHUYÊN MÔN CẤP XÃ ĐƯỢC  
PHÂN CÔNG)**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

**Mẫu số 08. Bảng đăng ký nhu cầu hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG ĐĂNG KÝ NHU CẦU**  
**HỖ TRỢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

.....

TT	Họ và tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Xứ đồng, thôn	Diện tích/cơ sở đăng ký
1				
2				
3				
...				
<b>Tổng cộng</b>				

....., ngày ..... tháng .... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THÔN/TỔ DÂN PHỐ/HỢP TÁC XÃ/LIÊN  
HIỆP HỢP TÁC XÃ/TỔ HỢP TÁC...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NHẬN HỖ TRỢ**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

.....

TT	Họ và tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Xứ đồng, thôn	Diện tích/cơ sở	Ký nhận
A	B	C	D	Đ	
1					
2					
...					
<b>Tổng cộng</b>					

....., ngày .... tháng ... năm...

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THÔN/TỔ DÂN  
PHÓ/HỢP TÁC  
XÃ/LIÊN HIỆP  
HỢP TÁC XÃ/  
TỔ HỢP TÁC**

.....

**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN  
NHÂN DÂN CẤP XÃ (HOẶC  
PHÒNG CHUYÊN MÔN CẤP  
XÃ ĐƯỢC PHÂN CÔNG)**

**Mẫu số 10. Bảng kê danh sách, diện tích gieo trồng cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ DANH SÁCH, DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG**  
**CÂY ĐẬU TƯƠNG, CÂY KHOAI TÂY, CÂY NGÔ**

TT	Họ và tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Xứ đồng, thôn	Diện tích gieo trồng (m <sup>2</sup> )	Loại cây trồng	Ký tên
1						
2						
...						
<b>Tổng cộng</b>						

....., ngày .... tháng ... năm...

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**THÔN/TỔ DÂN PHỐ.....**

**Mẫu số 11. Danh sách nhận hỗ trợ sản xuất cây đậu tương, cây khoai tây, cây ngô**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NHẬN HỖ TRỢ SẢN XUẤT CÂY ĐẬU TƯƠNG,  
CÂY KHOAI TÂY, CÂY NGÔ**

TT	Họ và tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Xứ đồng, thôn	Diện tích gieo trồng (m <sup>2</sup> )	Loại cây trồng	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Số tiền nhận hỗ trợ (đồng)	Ký tên
A	B	C	D	E	G	H	I= E * H	
1								
2								
...								
<b>Tổng cộng</b>								

Tổng số tiền bằng chữ:.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THÔN/TỔ DÂN PHỐ  
.....

....., ngày .... tháng ... năm...  
**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN  
CẤP XÃ (HOẶC PHÒNG CHUYÊN  
MÔN CẤP XÃ ĐƯỢC PHÂN CÔNG)**